

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình kiểm tra giá phí thị trường đối với giao dịch
mua bán giấy tờ có giá và mua bán ngoại tệ của Ngân hàng
Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 5 năm 2018;

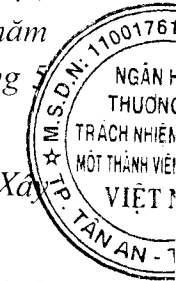
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 15/2015/QĐ-HĐTV ngày 07/05/2015 của Hội đồng Thành viên về việc ban hành Quy chế tổ chức bộ máy Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 1228/2017/QĐ-TGD ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy định giao dịch mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1973/2023/QĐ-TGD ngày 12/12/2023 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy định mua bán giấy tờ có giá của Ngân hàng thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam";

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Thị trường tại Tờ trình số 84/2023/TTr-QLRRTT.MO02.71.EO ngày 09/10/2023.



[Handwritten signature]

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy trình kiểm tra giá phi thị trường đối với giao dịch mua bán giấy tờ có giá và mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam*”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07/05/2024

Điều 3. Thành viên Ban Điều hành, Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Thị trường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Phu*

Nơi nhận:

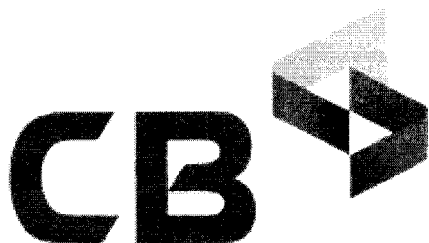
- HĐTV, BKS (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Tất cả CBNV (để biết);
- Lưu: VT-VP, B.QLRRTT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *Phu*

Phạm Văn Đạt
Phạm Văn Đạt



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM



Ngân hàng Xây Dựng

QUY TRÌNH

KIỂM TRA GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH
MUA BÁN GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ MUA BÁN NGOẠI TỆ CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM

Mã số (nếu có) :
Cấp ban hành : Tổng Giám đốc
Người ký ban hành : Phạm Văn Đạt
Ngày ban hành : 22/04/2024
Ngày hiệu lực : 07/05/2024
Tổng số trang : 06 trang

Handwritten signature

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích ban hành.....	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 3. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 4. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II	3
QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	3
Điều 5. Nguồn dữ liệu.....	3
Điều 6. Cách thức xác định khoảng giá giao dịch hợp lý	3
Điều 7. Nguyên tắc kiểm tra giao dịch có giá phi thị trường	3
Điều 8. Quy trình kiểm tra giá phi thị trường.....	4
CHƯƠNG III.....	5
TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN	5
Điều 9. Quản lý rủi ro thị trường.....	5
Điều 10. Kinh doanh vốn	5
Điều 11. Trung tâm Thanh toán	6
CHƯƠNG IV	6
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	6
Điều 12. Điều khoản thi hành.....	6
Phụ lục 01: KIỂM TRA GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH MUA BÁN GTCG.....	1
Phụ lục 02: KIỂM TRA GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH MUA BÁN NGOẠI TỆ.....	1
Phụ lục 03: QUY TRÌNH KIỂM TRA GIAO DỊCH CÓ GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG	1
Phụ lục 04: QUY TRÌNH BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH CÓ GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG	1
Phụ lục 05: QUY TRÌNH BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH KHÁC	1



QUY TRÌNH
KIỂM TRA GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH
MUA BÁN GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ MUA BÁN NGOẠI TỆ CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...438.../2024/QĐ-TGD ngày 12 / 1 /2024
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

- Kiểm tra tính hợp lý của giá các giao dịch mua bán giấy tờ có giá và mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam nhằm đảm bảo các giao dịch được thực hiện phù hợp với giá thị trường, tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng tới thông lệ tốt nhất.
- Phân công cụ thể trách nhiệm của các Ban/Trung tâm trong việc thực hiện Quy trình kiểm tra giá phi thị trường đối với các giao dịch mua bán giấy tờ có giá và mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định nguyên tắc, cách thức xác định và trình tự, thủ tục kiểm tra giá phi thị trường đối với các giao dịch Sở Kinh doanh:

- Các giao dịch mua bán hần giấy tờ có giá (không bao gồm: các giao dịch trên thị trường sơ cấp);
- Các giao dịch mua bán ngoại tệ là Đô la Mỹ (USD) trên thị trường liên ngân hàng bao gồm:
 - Giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay.
 - Giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn.
- Việc kiểm tra giá phi thị trường đối với các giao dịch tự doanh khác với các giao dịch nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này sẽ được thực hiện theo quy định khác của CB trong từng thời kỳ (khi phát sinh hoạt động thực tế).

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các đối tượng là Ban/Trung tâm tại Hội sở chính liên quan đến giao dịch mua bán giấy tờ có giá và mua bán ngoại tệ nêu tại Điều 2 Quy trình này.

Điều 4. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

 Trang 1

1. Các từ viết tắt

- CCTG : Chứng chỉ tiền gửi
- ĐVKD : Đơn vị kinh doanh
- GTCG : Giấy tờ có giá
- KDV : Kinh doanh vốn (Các đơn vị được phép kinh doanh)
- KHCL : Kỳ hạn còn lại
- LS : Lãi suất
- LSTC : Lãi suất tham chiếu
- SKD : Sổ Kinh doanh
- TGD : Tổng Giám đốc
- TGGD : Tỷ giá giao dịch
- TGTC : Tỷ giá tham chiếu
- TGTCN : Tỷ giá tham chiếu cao nhất
- TGTCTN : Tỷ giá tham chiếu thấp nhất
- TPCP : GTCG do Kho bạc Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành
- TPCPBL : GTCG được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành
- TPTCTD : GTCG do tổ chức tín dụng phát hành
- VBMA : Vietnam Bond Market Association (Hiệp hội Thị Trường Trái phiếu Việt Nam)
- VNIBOR : Vietnam Inter-bank Offered Rate (lãi suất thị trường liên ngân hàng Việt Nam)
- Các từ viết tắt khác được Quy định tại danh mục các từ viết tắt trong Quy chế văn bản nội bộ của CB trong từng thời kỳ

2. Giải thích từ ngữ

- a) **Giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay (sau đây gọi là giao dịch giao ngay)** là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và thanh toán trong vòng 02 (hai) ngày làm việc liền kề sau ngày giao dịch.
- b) **Giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn (sau đây gọi là giao dịch kỳ hạn)** là giao dịch hai bên cam kết mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán tối thiểu là 03 (ba) ngày làm việc liền kề

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

sau ngày giao dịch.

- c) **Giao dịch mua bán hẫng GTCG**: là giao dịch mua bán hẫng GTCG thông thường (outright) trong đó một bên bán và chuyển giao quyền sở hữu GTCG cho một bên mua và không kèm theo cam kết mua lại GTCG đó.
- d) **Ngày giao dịch**: là ngày các bên mua/bán, đặt lệnh/đề nghị giao dịch và lệnh/đề nghị đó được khớp/thực hiện thành công hoặc là ngày các bên thỏa thuận/cam kết thực hiện giao dịch.
- e) Khái niệm Sổ kinh doanh và Sổ Ngân hàng được thực hiện theo quy định về quản lý Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng của CB trong từng thời kỳ hoặc theo quy định của pháp luật (nếu quy định của CB có khác biệt với quy định của pháp luật).
- f) **Chương trình quản lý giao dịch kinh doanh vốn**: là các chương trình ghi nhận, quản lý giao dịch kinh doanh vốn của CB trong từng thời kỳ.
- g) **Đơn vị kinh doanh** là các đơn vị thực hiện chức năng kinh doanh tại Hội sở.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nguồn dữ liệu

1. Nguồn dữ liệu được sử dụng để kiểm tra giá phi thị trường được quy định chi tiết tại: Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Quy trình này.
2. Trong trường hợp một hoặc một số nguồn dữ liệu thị trường nêu tại Khoản 1 Điều này tạm thời thiếu do điều kiện khách quan, CB sẽ sử dụng dữ liệu của ngày làm việc liền trước gần nhất làm dữ liệu để kiểm tra giá phi thị trường.

Điều 6. Cách thức xác định khoảng giá giao dịch hợp lý

1. Cách thức xác định khoảng giá giao dịch hợp lý cho các giao dịch mua bán GTCG được quy định tại Phụ lục 01 của Quy trình này.
2. Cách thức xác định khoảng giá giao dịch hợp lý cho các giao dịch mua bán ngoại tệ được quy định tại Phụ lục 02 của Quy trình này.
3. Giám đốc Quản lý rủi ro là cấp có thẩm quyền phê duyệt việc rà soát/sửa đổi biên độ sử dụng tính toán khoảng giá giao dịch hợp lý tại Phụ lục 01 và 02 Quy trình này.

Điều 7. Nguyên tắc kiểm tra giao dịch có giá phi thị trường

1. Giao dịch được xác định là có giá phi thị trường khi giá của giao dịch nằm ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý của kỳ hạn, loại tiền giao dịch tương ứng và được kết luận là phi thị trường căn cứ thông tin của ĐVKD và biến động thị trường thực tế.
2. Khoảng giá giao dịch hợp lý được sử dụng để kiểm tra giao dịch có giá phi thị trường không phải là hạn mức giá giao dịch. ĐVKD cần chủ động thực hiện giao dịch phù hợp nhất với giá thị trường, theo nhu cầu của thị trường và tình hình thực tế của CB.

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Điều 8. Quy trình kiểm tra giá phi thị trường

1. Quy trình kiểm tra giá phi thị trường
 - a) Định kỳ: Hàng ngày;
 - b) Quy trình kiểm tra giá phi thị trường thực hiện theo các bước nêu tại Phụ lục 03.
2. Quy trình báo cáo các giao dịch có giá phi thị trường
 - a) Định kỳ: Khi phát sinh giao dịch có giá phi thị trường;
 - b) Quy trình báo cáo các giao dịch có giá phi thị trường thực hiện theo các bước nêu tại Phụ lục 04;
 - c) Quy trình báo cáo các giao dịch có giá phi thị trường quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các giao dịch được quy định tại Điểm b Khoản 3, Điều 8 của Quy trình này.
3. Quy trình báo cáo các giao dịch khác
 - a) Định kỳ: 01 (một) tháng /lần (trước ngày 15 của tháng tiếp theo)
 - b) Phạm vi báo cáo: các giao dịch sau đây nằm ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý
 - Giao dịch mua ngoại tệ có tỷ giá giao dịch (TGGD) < tỷ giá tham chiếu thấp nhất (TGTCN), giao dịch bán ngoại tệ có TGGD > TGTC cao nhất (TGTCN) theo ngoại tệ mạnh hơn trong giao dịch theo thông lệ thị trường và có lợi cho CB;
 - Giao dịch mua bán GTCG, mua bán ngoại tệ có lợi cho CB;
 - Các giao dịch mua bán ngoại tệ với đối tác tại sàn giao dịch (platform) FX ALL;
 - Giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay có ngoại tệ chỉ có thể giao dịch với 1 đối tác;
 - Các cặp giao dịch mua bán ngoại tệ đối ứng (01 chiều với khách hàng hoặc Ngân hàng Thương mại trong nước, 01 chiều với đối tác tại sàn giao dịch FX ALL) khớp đúng khối lượng, kỳ hạn và có lợi cho CB
 - Giao dịch mua bán GTCG, mua bán ngoại tệ có lợi cho CB theo đánh giá của Ban QLRRTT.
 - Giao dịch khác theo phê duyệt của Ban lãnh đạo từng thời kỳ.
 - c) Quy trình báo cáo các giao dịch khác thực hiện theo các bước nêu tại Phụ lục 05.
 - d) Phạm vi báo cáo các giao dịch khác cần được rà soát định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết.

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 9. Quản lý rủi ro thị trường

1. Đầu mối nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai công tác kiểm tra giá phi thị trường.
2. Đầu mối xây dựng và cập nhật Quy trình và hệ thống báo cáo kiểm tra giá phi thị trường.
3. Thực hiện kiểm tra giá phi thị trường sau ngày giao dịch đối với các giao dịch quy định tại Điều 2 Quy trình này.
4. Lập và gửi BDH báo cáo đối với các trường hợp giao dịch có giá nằm ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý.
5. Đầu mối cung cấp thông tin các trường hợp giao dịch có giá phi thị trường theo Quy trình báo cáo, xử lý, quản lý sự cố và tổn thất rủi ro hoạt động của CB.
6. Đầu mối cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động kiểm tra giao dịch có giá phi thị trường theo yêu cầu của các bên khác có liên quan.
7. Phối hợp với bộ phận đầu mối trong việc xây dựng kịch bản gian lận và nguyên tắc phát hiện gian lận phục vụ công cụ phân tích dữ liệu gian lận, nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu gian lận trong hoạt động kinh doanh vốn theo Quy trình quản lý rủi ro gian lận của CB trong từng thời kỳ.

Điều 10. Kinh doanh vốn

1. Thực hiện các giao dịch mua bán GTCG/mua bán ngoại tệ với mức giá hợp lý so với tương quan giá trên thị trường trong ngày giao dịch.
2. Đảm bảo các dữ liệu giao dịch được nhập vào Chương trình quản lý giao dịch kinh doanh vốn của CB đầy đủ và chính xác ngay sau khi giao dịch.
3. Đầu mối phối hợp với các Ban/Trung tâm liên quan kiểm tra, tìm hiểu nguyên nhân các trường hợp giao dịch do đơn vị thực hiện cho SKD có giá nằm ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý và gửi thông tin cho QLRRTT để tổng hợp báo cáo.
4. Cung cấp và/hoặc xác nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến giao dịch mà đơn vị thực hiện cho SKD cho QLRRTT trong quá trình kiểm tra giá phi thị trường.
5. Phối hợp với QLRRTT xây dựng và rà soát các công thức, cách thức phục vụ kiểm tra giá phi thị trường.
6. Phối hợp với QLRRTT trong việc rà soát, lựa chọn dữ liệu thị trường tham chiếu làm cơ sở kiểm tra giá phi thị trường khi thị trường có biến động mạnh hoặc có những yếu tố đặc biệt khiến một số/toàn bộ các nguồn dữ liệu thị trường tham chiếu không còn phù hợp.

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Điều 11. Trung tâm Thanh toán

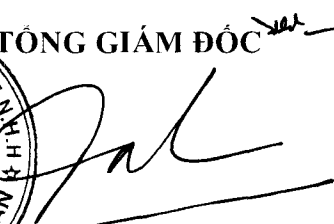

1. Kiểm tra tính chính xác của các thông tin do chuyên viên của ĐVKD nhập trên Chương trình quản lý giao dịch kinh doanh vốn của CB so với hồ sơ giao dịch gốc.
2. Phối hợp với đơn vị kinh doanh và các Ban/Trung tâm liên quan làm rõ các trường hợp giao dịch có giá phi thị trường.
3. Kịp thời thông báo/xác nhận các nội dung điều chỉnh (nếu có) đối với các thông tin đã cung cấp cho QLRRTT.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến Quy trình này nhưng chưa được đề cập trong Quy trình này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với nội dung Quy trình này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh theo quy định.
2. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi cần thiết, Ban QLRRTT hoặc Ban/Trung tâm được chỉ định theo phân công của BĐH rà soát và báo cáo BĐH các đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có). Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy định này do TGD xem xét quyết định./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN ĐẠT



Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.



PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH MUA BÁN GTCC

Thực hiện theo Quyết định số 435./2024/QĐ-TGD ngày 22./4./2024
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam)

I. Dữ liệu

1. Dữ liệu về lãi suất thị trường

- Nguồn dữ liệu: dữ liệu được thu thập từ chương trình Refinitiv Workspace.
- Tần suất: dữ liệu được thu thập hàng ngày trước 10h00 sáng.
- Phạm vi thông tin dữ liệu:

Dữ liệu được thu thập phải đảm bảo tối thiểu các trường dữ liệu sau: ngày dữ liệu, kỳ hạn, lãi suất. Chi tiết dữ liệu như sau:

- Lãi suất chiết khấu VND ngắn hạn: lãi suất cuối ngày làm việc được thu thập ở các kỳ hạn giao dịch chuẩn:

Kỳ hạn	RIC	Kỳ hạn	RIC
Qua đêm	VNIVNDOND=	2 tháng	VNIVND2MD=
1 tuần	VNIVNDSWD=	3 tháng	VNIVND3MD=
2 tuần	VNIVND2WD=	6 tháng	VNIVND6MD=
1 tháng	VNIVND1MD=	9 tháng	VNIVND9MD=

- Lãi suất chiết khấu VND trung dài hạn: lãi suất cuối ngày làm việc được thu thập ở các kỳ hạn giao dịch chuẩn:

Kỳ hạn	RIC	Kỳ hạn	RIC
1 năm	VN1YT=VBMA	10 năm	VN10YT=VBMA
2 năm	VN2YT=VBMA	15 năm	VN15YT=VBMA
3 năm	VN3YT=VBMA	20 năm	VN20YT=VBMA
5 năm	VN5YT=VBMA	30 năm	VN30YT=VBMA
7 năm	VN7YT=VBMA		

2. Dữ liệu margin

- Nguồn dữ liệu: dữ liệu về phân bù rủi ro Margin_1 , Margin'_1 , Margin_2 và Margin_3 được tính toán theo quy định về phương pháp định giá đối với danh mục GTCC của CB có hiệu lực trong từng thời kỳ.
- Tần suất: theo quy định về phương pháp định giá đối với danh mục GTCC của CB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

✓

(Handwritten signatures)

3. Dữ liệu của CB

- a) Loại dữ liệu: giao dịch mua bán GTCG trên SKD theo quy định tại Điều 2, Quy trình này.
- b) Nguồn dữ liệu: dữ liệu được thu thập từ Chương trình quản lý giao dịch kinh doanh vốn của CB từng thời kỳ.
- c) Tần suất: dữ liệu được thu thập hàng ngày trước 10h00 sáng ngày làm việc liền sau ngày giao dịch.
- d) Phạm vi thông tin dữ liệu: dữ liệu được thu thập phải đảm bảo tối thiểu các trường dữ liệu sau: mã trái phiếu, loại trái phiếu, ngày đáo hạn, tổ chức phát hành, mệnh giá, loại tiền tệ, mã giao dịch trên các chương trình/phần mềm được sử dụng để thực hiện giao dịch (dealticket), trạng thái giao dịch trên chương trình, ngày giao dịch, ngày giá trị, lãi suất giao dịch (làm tròn đến 02 chữ số thập phân), tên chuyên viên của ĐVKD trực tiếp tham gia vào quá trình khởi tạo giao dịch.

II. Cách thức xác định khoảng giá giao dịch hợp lý

1. **Kỳ hạn còn lại (KHCL) của GTCG:** là khoảng thời gian còn lại từ ngày giao dịch đến ngày đáo hạn của GTCG.

- a) **Kỳ hạn chuẩn**

Đối với các kỳ hạn từ 1 năm trở lên, việc xác định kỳ hạn chuẩn theo thỏa thuận tạo lập thị trường của VBMA hiệu lực trong từng thời kỳ.

Kỳ hạn chuẩn được quy định tại Bảng 01 dưới đây.

Bảng 01: Kỳ hạn chuẩn

Kỳ hạn chuẩn ngắn hạn	Quy theo ngày	Kỳ hạn chuẩn trung dài hạn	Quy theo ngày
Qua đêm	1 ngày	1 năm	365 ngày
1 tuần	7 ngày	2 năm	730 ngày
2 tuần	14 ngày	3 năm	1095 ngày
1 tháng	30 ngày	5 năm	1825 ngày
2 tháng	60 ngày	7 năm	2555 ngày
3 tháng	90 ngày	10 năm	3650 ngày
		15 năm	5475 ngày
		20 năm	7300 ngày
		30 năm	10950 ngày

- b) **Kỳ hạn khác**

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Handwritten mark

Handwritten signature

Các kỳ hạn khác được áp dụng lãi suất kỳ hạn chuẩn theo Bảng 02 dưới đây.

Bảng 02: Các kỳ hạn được phép áp dụng lãi suất kỳ hạn chuẩn

Kỳ hạn theo ngày	Lãi suất áp dụng
31 ~ 35 ngày	Lãi suất kỳ hạn chuẩn 1 tháng
61 ~ 65 ngày	Lãi suất kỳ hạn chuẩn 2 tháng
91 ngày	Lãi suất kỳ hạn chuẩn 3 tháng
<i>Lãi suất các kỳ hạn chuẩn từ 1 năm đến 30 năm áp dụng với các trái phiếu có kỳ hạn còn lại nằm trong khoảng thời gian được xác định theo thỏa thuận tạo lập thị trường của VBMA hiệu lực trong từng thời kỳ.</i>	

2. Cách thức xác định khoảng giá giao dịch hợp lý

2.1. Khoảng lãi suất giao dịch hợp lý

Khoảng lãi suất giao dịch hợp lý với từng giao dịch là khoảng giá trị từ lãi suất tham chiếu thấp nhất đến lãi suất tham chiếu cao nhất của kỳ hạn giao dịch tương ứng.

2.2. Lãi suất tham chiếu cao nhất

Lãi suất tham chiếu cao nhất đối với từng kỳ hạn theo từng loại GTCC trong giao dịch được xác định như sau:

$$r_{Max} = r_{TC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

r_{Max} : Lãi suất tham chiếu cao nhất của từng kỳ hạn theo từng loại GTCC

r_{TC} : Lãi suất tham chiếu của từng kỳ hạn theo từng loại GTCC được quy định tại mục 2.4 phụ lục này.

Biên độ: được quy định tại mục 2.5 Phần II Phụ lục này

2.3. Lãi suất tham chiếu thấp nhất

Lãi suất tham chiếu thấp nhất đối với từng kỳ hạn theo từng loại GTCC của giao dịch được xác định như sau:

$$r_{Min} = \max(r_{TC} - \text{Biên độ}, r_{TC})$$

Trong đó:

r_{Min} : Lãi suất tham chiếu thấp nhất của từng kỳ hạn theo từng loại GTCC

r_{TC} : Lãi suất tham chiếu của từng kỳ hạn theo từng loại GTCC được quy định tại mục 2.4 phụ lục này.

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.







Biên độ: được quy định tại mục 2.5 Phụ lục này

2.4. Lãi suất tham chiếu

2.4.1. Giao dịch TPCP

a) Đối với kỳ hạn chuẩn ngắn hạn

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCP được xác định như sau:

$$r_{TC} = LS\ VNIBOR \times (1 - Margin_1) \times \frac{Basis}{365}$$

Trong đó:

r_{TC} : Lãi suất tham chiếu

$LS\ VNIBOR$: là lãi suất chiết khấu VND ngắn hạn tại kỳ hạn chuẩn

$Margin_1$: tỷ trọng chênh lệch dương giữa lãi suất thị trường liên ngân hàng và lãi suất TPCP, được tính toán theo quy định về phương pháp định giá đối với danh mục GTCG của CB có hiệu lực trong từng thời kỳ

$Basis$: Số ngày thực tế trong năm

b) Đối với kỳ hạn chuẩn trung và dài hạn

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCP là lãi suất chiết khấu VND trung dài hạn quy định tại mục 1 Phần I phụ lục này.

c) Đối với kỳ hạn khác

Lãi suất tham chiếu (LSTC) đối với kỳ hạn lẻ không thuộc khoảng kỳ hạn chuẩn tại Bảng 01 và Bảng 02 Phụ lục này được xác định như sau:

$$LSTC = \text{lãi suất nội suy tuyến tính} + \alpha_1$$

Trong đó:

❖ Phương pháp xác định α_1

- **Cách thức xác định α_1**
- **Bước 1:** Thu thập 02 năm dữ liệu quá khứ liền trước tháng thực hiện rà soát của các giao dịch TPCP phát hành có KHCL khác kỳ hạn chuẩn (kỳ hạn chuẩn được quy định tại mục 1, phần II, Phụ lục 01 Quy trình này) từ nguồn dữ liệu Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố.
- **Bước 2:** Loại bỏ các giao dịch có lãi suất giao dịch nằm ngoài khoảng lãi suất kỳ hạn chuẩn gần nhất cùng ngày giao dịch do VBMA công bố.
- **Bước 3:** Xác định mức chênh lệch theo từng nhóm kỳ hạn lẻ (như bảng dưới đây) bằng phương pháp bình quân gia quyền giữa lãi suất giao dịch các kỳ hạn lẻ với lãi

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.



Trang 4





suất được xác định bằng phương pháp nội suy tuyến tính từ các kỳ hạn chuẩn gần nhất tương ứng.

Nhóm kỳ hạn lẻ	
Qua đêm - 1 tuần	2 năm - 3 năm
1 tuần - 2 tuần	3 năm - 5 năm
2 tuần - 1 tháng	5 năm - 7 năm
1 tháng - 2 tháng	7 năm - 10 năm
2 tháng - 3 tháng	10 năm - 15 năm
3 tháng - 1 năm	15 năm - 20 năm
1 năm - 2 năm	20 năm - 30 năm

- **Bước 4:** Mức α_1 được xác định bằng bình quân chênh lệch của các nhóm kỳ hạn trên.
- **Tần suất rà soát α_1**
- Các mức α_1 cần được rà soát định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết.
- Kết quả rà soát được cập nhật và áp dụng tại ngày làm việc đầu tiên của tháng kế tiếp tháng thực hiện rà soát.

❖ Lãi suất nội suy tuyến tính

Công thức áp dụng:

$$r_{l\acute{e}} = r_a + (r_b - r_a) \frac{t_{l\acute{e}} - t_a}{t_b - t_a}$$

Trong đó:

$t_{l\acute{e}}$: Kỳ hạn lẻ (ngày)

t_a : Kỳ hạn chuẩn GTCG nhỏ hơn gần nhất (ngày)

t_b : Kỳ hạn chuẩn GTCG lớn hơn gần nhất (ngày)

$r_{l\acute{e}}$: Lãi suất kỳ hạn lẻ (%/năm)

r_a : Lãi suất kỳ hạn chuẩn nhỏ hơn gần nhất (%/năm)

r_b : Lãi suất kỳ hạn chuẩn lớn hơn gần nhất (%/năm)

2.4.2. Giao dịch TPCP bảo lãnh

a) Đối với kỳ hạn chuẩn ngắn hạn

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCP bảo lãnh được xác định như sau:

$$r_{TC} = LSVNIBOR \times (1 - Margin'_1) \times \frac{Basis}{365}$$

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Handwritten signature

Trang 5

Handwritten mark

Handwritten signature

Trong đó:

r_{TC} : Lãi suất tham chiếu

$LS\ VNIBOR$: là lãi suất chiết khấu VND ngắn hạn tại kỳ hạn chuẩn

$Margin'_1$: tỷ trọng chênh lệch dương giữa lãi suất thị trường liên ngân hàng và lãi suất TPCPBL, được tính toán theo quy định về phương pháp định giá đối với danh mục GTCG của CB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

$Basis$: Số ngày thực tế trong năm

b) Đối với kỳ hạn chuẩn trung và dài hạn

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCPBL là Lãi suất chiết khấu VND trung dài hạn + $Margin_2$.

Trong đó:

Lãi suất chiết khấu VND trung dài hạn quy định tại mục 1 Phần I phụ lục này.

$Margin_2$: là mức chênh lệch dương giữa lãi suất giao dịch thành công TPCP bảo lãnh trên thị trường thứ cấp và LS VBMA cùng kỳ hạn, được tính toán theo quy định về phương pháp định giá đối với danh mục GTCG của CB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

c) Đối với kỳ hạn khác:

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCPBL đối với kỳ hạn khác được xác định theo quy định tại Mục 2.4.1.c Phần 2 phụ lục này.

2.4.3. Giao dịch TP/CCTG TCTD

a) Đối với kỳ hạn chuẩn ngắn hạn

Lãi suất tham chiếu của TP/CCTG TCTD được xác định như sau:

$$r_{TC} = \text{Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCP} + Margin_3$$

Trong đó:

r_{TC} : Lãi suất tham chiếu

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TPCP quy định tại Mục 2.4.1 phần 2 Phụ lục này.

$Margin_3$: Tỷ trọng chênh lệch dương giữa lãi suất thị trường TPCP và lãi suất phát hành của từng TP/CCTG TCTD, được tính toán theo quy định về phương pháp định giá đối với danh mục GTCG của CB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

b) Đối với kỳ hạn chuẩn trung và dài hạn

Lãi suất tham chiếu của giao dịch TP/CCTG TCTD là Lãi suất chiết khấu VND trung

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Ja

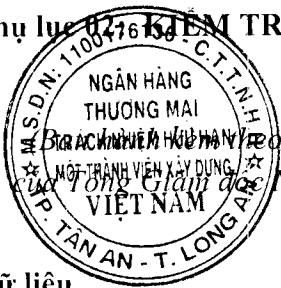
Trang 6

✓

ML

76136
HÀN HỒNG
JONG M
NHIỆM HỮ
ANH VIÊN XÃ
TIỆT NÀ
AN - T.

Phụ lục 02/2024
**BIÊN TRA GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH
MUA BÁN NGOẠI TỆ**



Quyết định số 438/2024/QĐ-TGD ngày 22/11/2024
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam)

I. Dữ liệu

1. Dữ liệu thị trường

1.1. Dữ liệu tỷ giá

- a) **Nguồn dữ liệu:** dữ liệu được thu thập từ chương trình Refinitiv Workspace.
- b) **Tần suất:** dữ liệu được thu thập hàng ngày trước 10h00 sáng ngày làm việc liền sau ngày giao dịch.
- c) **Phạm vi thông tin dữ liệu:**

Dữ liệu được thu thập phải đảm bảo tối thiểu các trường dữ liệu sau: ngày dữ liệu, thời gian dữ liệu, tỷ giá. Chi tiết dữ liệu như sau:

Tỷ giá giao ngay USD/VND ($FX_{USD/VND}$): tất cả các tỷ giá giao dịch thực tế của thị trường liên ngân hàng Việt Nam phát sinh trong ngày giao dịch trích xuất từ chương trình với RIC code là “VND=D1”.

1.2. Dữ liệu điểm kỳ hạn

Dữ liệu điểm kỳ hạn USD/VND là điểm kỳ hạn niêm yết trung bình của các giao dịch ngoại tệ USD/VND trên thị trường liên ngân hàng Việt Nam được khai thác tại các kỳ hạn chuẩn:

Kỳ hạn	Mã kỳ hạn	Mã (RIC code)
1 ngày	ON	VNDONMEAN=VN
1 tuần	SW	VND3WMEAN=VN
1 tháng	1M	VND1MMEAN=VN
3 tháng	3M	VND3MMEAN=VN
6 tháng	6M	VND6MMEAN=VN
1 năm	1Y	VND1YMEAN=VN

Điểm kỳ hạn tại các kỳ hạn chuẩn không niêm yết trên thị trường được xác định từ các điểm kỳ hạn chuẩn gần nhất sử dụng phương pháp nội suy tuyến tính.

2. Dữ liệu giao dịch tại CB

- a) **Loại dữ liệu:** Giao dịch mua bán ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng của CB, bao gồm:

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Trang 1

- Giao dịch giao ngay
- Giao dịch kỳ hạn
- b) **Nguồn dữ liệu:** dữ liệu được thu thập từ Chương trình quản lý giao dịch kinh doanh vốn của CB.
- c) **Tần suất:** dữ liệu được thu thập hàng ngày trước 10h00 sáng ngày làm việc liền sau ngày giao dịch.
- d) **Phạm vi thông tin dữ liệu:** dữ liệu được thu thập phải đảm bảo tối thiểu các trường dữ liệu sau: mã giao dịch trên chương trình (dealticket), tên đối tác, loại giao dịch, ngày giao dịch, ngày giá trị, tỷ giá giao dịch, giao dịch viên, số tiền mua bán, loại tiền tệ mua bán, kỳ hạn giao dịch, trong đó:
 - Ngày giá trị của giao dịch (value date) trùng hoặc sau ngày thực hiện giao dịch (trade date).
 - Tỷ giá giao dịch được làm tròn theo hình thức giá tham chiếu trích xuất từ chương trình.
 - Trường hợp dữ liệu tỷ giá của một đồng tiền chiết xuất từ chương trình không đủ để kiểm tra (do không có giao dịch, khác múi giờ, v.v.), có thể xem xét lấy dữ liệu của ngày trước đó hoặc múi giờ phù hợp để kiểm tra.

II. Cách thức xác định khoảng tỷ giá giao dịch hợp lý

1. Xác định khoảng giá giao dịch hợp lý đối với các giao dịch giao ngay USD/VND

Tỷ giá tham chiếu thấp nhất (TGTCTN) và Tỷ giá tham chiếu cao nhất (TGTCN) được xác định như sau:

- + $TGTCTN = \text{Percentile } 2,5\% \text{ của chuỗi tỷ giá theo tick trong ngày giao dịch trên hệ thống Refinitiv Workspace.}$
- + $TGTCN = \text{Percentile } 97,5\% \text{ của chuỗi tỷ giá theo tick trong ngày giao dịch trên hệ thống Refinitiv Workspace.}$

2. Xác định khoảng giá giao dịch hợp lý đối với các giao dịch kỳ hạn USD/VND

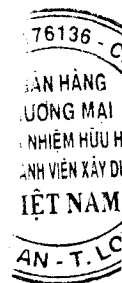
2.1 Xác định khoảng giá giao dịch hợp lý

- + $TGTCTN (\text{Fwd kỳ hạn } t) = TGTCTN(\text{Spt}) + \text{Điểm kỳ hạn } t - \text{Biên độ điểm kỳ hạn } t$
 - + $TGTCN (\text{Fwd kỳ hạn } t) = TGTCN(\text{Spt}) + \text{Điểm kỳ hạn } t + \text{Biên độ điểm kỳ hạn } t$
- Trong đó:
- $TGTCTN (\text{Fwd kỳ hạn } t)$: Tỷ giá tham chiếu thấp nhất giao dịch kỳ hạn t

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.



Trang 2







- TGTCCN (Fwd kỳ hạn t): Tỷ giá tham chiếu cao nhất giao dịch kỳ hạn t
- TGTCTN (Spt): Tỷ giá tham chiếu thấp nhất giao dịch spot.
- TGTCCN (Spt): Tỷ giá tham chiếu cao nhất giao dịch spot.
- Điểm kỳ hạn t: Điểm kỳ hạn của giao dịch USD/VND có kỳ hạn t
- Biên độ điểm kỳ hạn t: Biên độ điểm kỳ hạn được xác định theo phương pháp quy định tại mục 2.2 Quy định này.

2.2 Phương pháp xác định Biên độ điểm kỳ hạn

a) Phương pháp xác định

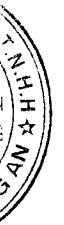
- **Bước 1:** Thu thập dữ liệu Điểm kỳ hạn USD/VND theo từng kỳ hạn từ ON-1Y từ Refinitiv Workspace 02 năm kể từ tháng thực hiện rà soát/xác định Biên độ điểm kỳ hạn.
- **Bước 2:** Xác định trị tuyệt đối biến động theo ngày của từng kỳ hạn chuẩn.
- **Bước 3:** Xác định Biên độ bằng cách lấy Percentile 97,5% chuỗi biến động được tính toán ở bước 2 theo từng nhóm kỳ hạn bao gồm: đến 1M; từ trên 1M đến 3M; từ trên 3M đến 6 tháng; từ trên 6M đến 1Y.

b) Tần suất rà soát

- Biên độ điểm kỳ hạn cần được rà soát định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết.
- Kết quả rà soát điểm kỳ hạn được cập nhật và áp dụng tại ngày làm việc đầu tiên của tháng kế tiếp tháng rà soát.

3. Khoảng tỷ giá giao dịch hợp lý

Khoảng tỷ giá giao dịch hợp lý đối với từng giao dịch là khoảng giá trị từ tỷ giá tham chiếu thấp nhất đến tỷ giá tham chiếu cao nhất.



Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Trang 3

Handwritten signature

Handwritten signature

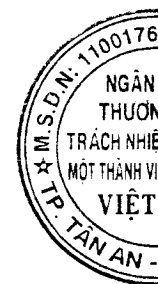
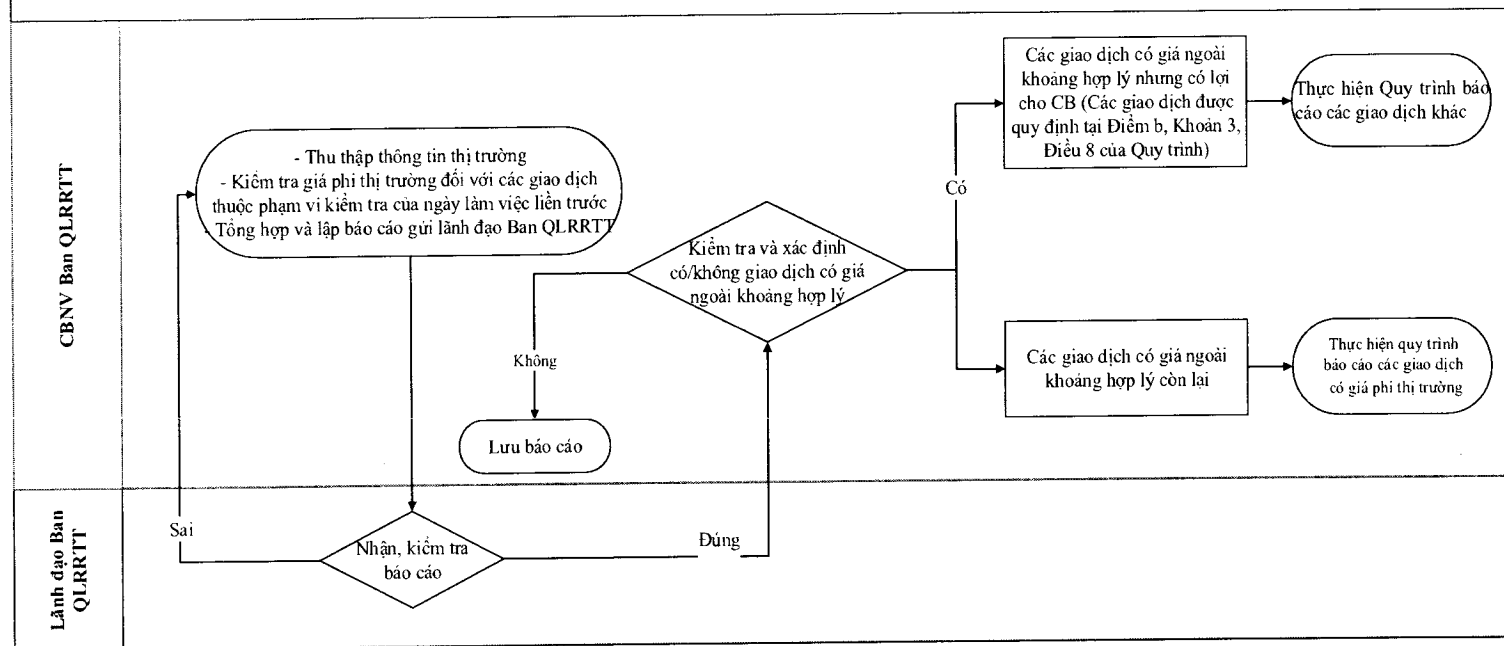


Phụ lục 03: QUY TRÌNH KIỂM TRA GIAO DỊCH CÓ GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG

Thực hiện theo Quyết định số 438/2024/QĐ-TGD ngày 22/.../2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam)

a) Quy định thực hiện

PHỤ LỤC 03: QUY TRÌNH KIỂM TRA GIAO DỊCH CÓ GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG



Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Trang 1

b) Diễn giải Quy trình

Bước	Cá nhân/đơn vị thực hiện	Hành động
1	CBNV Ban QLRRTT	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin thị trường - Kiểm tra giá phí thị trường đối với các giao dịch thuộc phạm vi kiểm tra của ngày làm việc liền trước - Tổng hợp và lập báo cáo kiểm tra giao dịch có giá phí thị trường, gửi Lãnh đạo Ban QLRRTT
2	Lãnh đạo Ban QLRRTT	Kiểm tra báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Đúng: Chuyển sang bước 3 - Nếu Sai: Chuyển lại bước 1
3	CBNV Ban QLRRTT	Kiểm tra giao dịch có giá ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu có giao dịch có lãi suất/tỷ giá nằm ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với các giao dịch được quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 8 của Quy định này: Chuyển bước 4 2. Đối với các giao dịch còn lại: Chuyển sang bước 5 - Nếu không có giao dịch có lãi suất/tỷ giá nằm ngoài khoảng giá GD hợp lý: Chuyển sang bước 6
4	Ban QLRRTT	Thực hiện quy định Quy trình báo cáo giao dịch khác
5	Ban QLRRTT	Thực hiện quy định báo cáo các giao dịch có giá phí thị trường
6	Ban QLRRTT	Lưu báo cáo



Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Trang 2

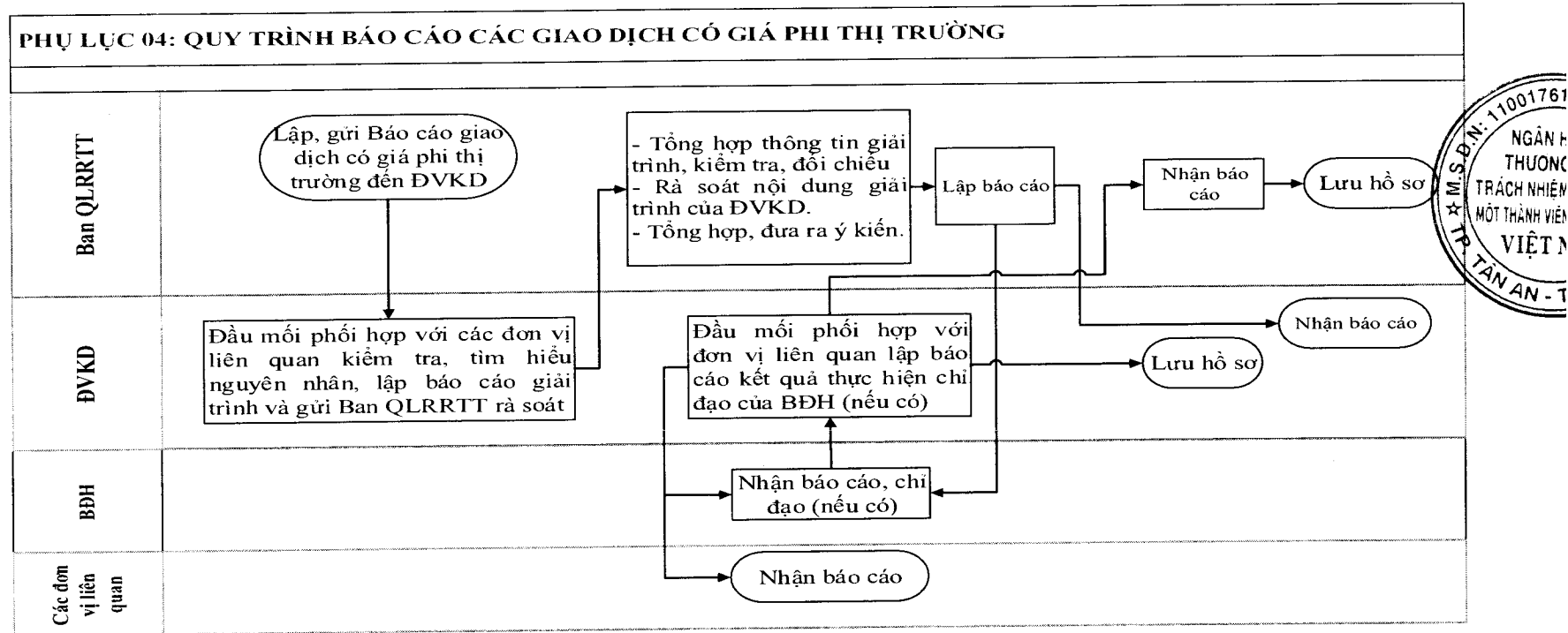
[Handwritten signatures and marks]



QUY TRÌNH BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH CÓ GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG

Phụ lục 04: Quy trình báo cáo các giao dịch có giá phi thị trường theo Quyết định số 438/2024/QĐ-TGD ngày 22/4/2024 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam

a) Quy trình thực hiện



Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Trang 1

b) Diễn giải Quy trình

C.T.T.N.H.H.
HẠNH
ĐÔNG
★
LONG AN

Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.



NYK 2000



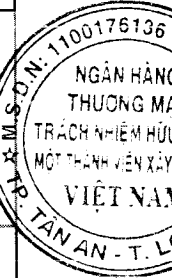
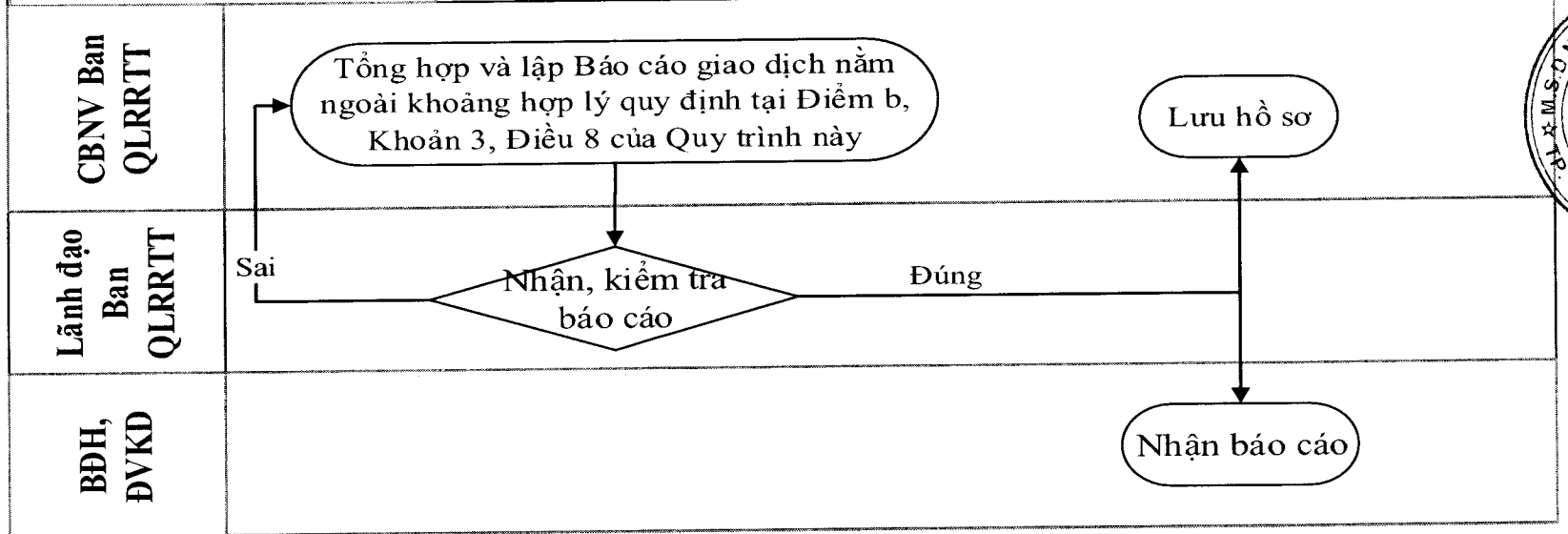
QUY TRÌNH BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH KHÁC

theo Quyết định số 438./2024/QĐ-TGD ngày 22.../...4./2024
(Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam)

a) Quy trình thực hiện

PHỤ LỤC 05: QUY TRÌNH BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH KHÁC

Định kỳ: 01 lần/tháng

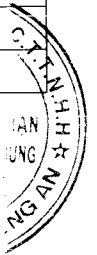


Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

Trang 1

b) Diễn giải Quy trình

Bước	Cá nhân/đơn vị thực hiện	Hành động
1	Ban QLRRTT	01 lần/tháng: Tổng hợp và lập Báo cáo giao dịch nằm ngoài khoảng giá giao dịch hợp lý quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 8 của Quy định này
2	Ban QLRRTT	Kiểm tra nội dung báo cáo - Nếu Đúng: Chuyển sang bước 3, 4 và 5 - Nếu Sai: Chuyển sang bước 1
3	Ban QLRRTT	Lưu hồ sơ
4	ĐVKD	Nhận báo cáo
5	BĐH	Nhận báo cáo



Văn bản này là tài sản của CB. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, in ấn dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của CB.

flw Trang 2

v

Ngô Văn






NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM

QUY TRÌNH KIỂM TRA GIÁ PHI THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIAO DỊCH MUA BÁN GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ MUA BÁN NGOẠI TỆ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM

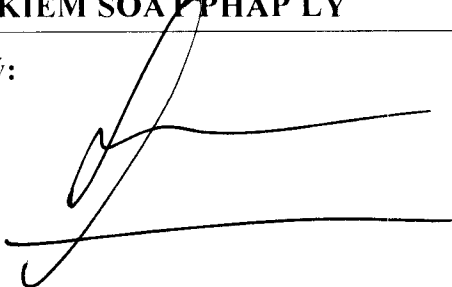

Mã số:

Ngày ban hành:

SOẠN THẢO VĂN BẢN

NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHỎI
Chữ ký: 	Chữ ký: 	Chữ ký: 
Họ và tên: Nguyễn Minh Hiếu Chức vụ: Chuyên Viên BQLRRTT	Họ và tên: Lê Thị Quỳnh Anh Chức vụ: GĐB Ban QLRRIT	Họ và tên: Phạm Văn Đạt Chức vụ: TV.HĐTV. KIỂM P.TGD.

KIỂM SOÁT VĂN BẢN

KIỂM SOÁT PHÁP LÝ	KIỂM SOÁT RỦI RO & HOẠT ĐỘNG
Chữ ký: 	Chữ ký: 
Họ và tên: Nguyễn Trọng Hoài An Chức vụ: PGĐ K.HC phụ trách PC Ngày ký kiểm soát: 16/04/2024	Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Linh Chức vụ: PGĐ Ban QLRRHĐ Ngày ký kiểm soát: 14/03/2024

THEO DÕI SỬA ĐỔI VĂN BẢN

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	VỊ TRÍ	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI	GHI CHÚ